

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG TRỊ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Thu Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Quang Hải

Bà Hoàng Thị Hằng

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Khắc Thông - Thẩm tra viên, TAND thị xã Q.Trị.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Trị tham gia phiên tòa:***  
Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

**Ngày 06 tháng 11 năm 2020**, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân **thị xã Quảng Trị**, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2020/TLST-HNGĐ ngày 27/5/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/QĐXXST-HNGĐ ngày 9 tháng 9 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST- HNGĐ ngày 29/9/2020 và thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 37/TB-TA ngày 27/10/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Hồng V**, sinh năm 1995; Nơi ĐKNKTT: Khu phố 2, phường 2, **thị xã Q**, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở hiện nay: Khu phố 2, phường 2, **thị xã Q**, tỉnh Quảng Trị.

Bị đơn: Anh **Lê Trần K**, sinh 1994; Nơi ĐKHKT: Khu phố 2, phường 2, **thị xã Q**, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở hiện nay: Khu phố 2, phường 2, **thị xã Q**, tỉnh Quảng Trị.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2020, bản trình bày ý kiến ngày 24/7/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn **Ngô Thị Hồng V** trình bày:

Chị **Ngô Thị Hồng V** kết hôn với anh **Lê Trần K** vào năm 2016, trên tinh thần tự nguyện, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường 2, **thị xã Q**, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên cãi vã, xảy ra mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể cải thiện được. Vợ chồng sống không có tình cảm, anh **Lê Trần K** không quan tâm đến vợ con, không có trách nhiệm với gia đình, nhiều lần có mối quan hệ tình cảm với người khác ngoài vợ chồng, tham gia vào các tệ nạn xã hội. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 2/2020 cho đến nay, không có quan hệ tình cảm. Cuộc sống hôn nhân ngày càng trầm trọng

hơn, mục đích hôn nhân không đạt. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị **Ngô Thị Hồng V** yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn anh **Lê Trần K**.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu **Lê Bá Hữu H**, sinh ngày 26/3/2016, trong thời gian ly thân cháu **Lê Bá Hữu H** ở với chị Vân. Ly hôn, chị **Ngô Thị Hồng V** có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Lê Bá Hữu H** cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh **Lê Trần K** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, **nợ chung**: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 26/6/2020 bị đơn anh **Lê Trần K** trình bày: Anh **Lê Trần K** vẫn còn tình cảm với chị **Ngô Thị Hồng V** và có nguyện vọng mong muốn đoàn tụ. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung : Cháu **Lê Bá Hữu H**, sinh ngày 26/3/2016, con còn nhỏ nên anh **K** có trách nhiệm nuôi con khôn lớn.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

-*Về tuân theo pháp luật tố tụng dân sự*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán đảm bảo đúng các quy định tại các Điều 48, 195, 196, 198 từ Điều 203 đến Điều 211, Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi mở phiên tòa; Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 222 đến Điều 261 của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo việc xét xử được khách quan, toàn diện, đúng pháp luật; Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 51, 236, 239 của Bộ luật tố tụng dân sự như: phổ biến nội quy phiên tòa; kiểm tra và báo cáo với Hội đồng xét xử danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa; Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

\* Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Ngô Thị Hồng V**, xử cho chị Vân được ly hôn với anh **K**.

Về con chung: Giao cháu **Lê Bá Hữu H**, sinh năm 26/3/2016 cho chị Vân trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động. Anh **K** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị **Ngô Thị Hồng V** và anh **Lê Trần K** có đăng ký kết hôn tại UBND phường 2, **thị xã Q**. Ngày 27/5/2020, chị **Ngô Thị Hồng V** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án **thị xã Q** giải quyết ly hôn anh **Lê Trần K**, đăng ký nhân khẩu thường trú tại Khu phố 2, phường 2, **thị xã Q** và giải quyết việc nuôi con chung là quan hệ pháp luật “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (Căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự).

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân **thị xã Q** đã tiến tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh **Lê Trần K** theo quy định của pháp luật. Nhưng anh **Lê Trần K** vẫn không đến Tòa án tham gia phiên họp, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án tiến hành xác minh thu thập nguồn chứng cứ khác để có cơ sở giải quyết vụ án. Anh **Lê Trần K** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên Tòa án hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật và tiến hành tổng đạt hợp lệ cho anh **Lê Trần K**. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Ngô Thị Hồng V** và anh **Lê Trần K** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 2, **thị xã Q**, tỉnh Quảng Trị, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng xích mích, cãi vã nhau. Vợ chồng không còn quan hệ tình cảm, sống ly thân từ tháng 2/2020 đến nay. Mặc dù tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 26/6/2020, anh **K** có nguyện vọng Tòa án hòa giải đoàn tụ để nuôi dạy con nhỏ nên người nhưng anh **K** không đến các phiên hòa giải do Tòa án triệu tập, chứng tỏ anh **K** cũng không có thiện chí hòa giải nhằm cải thiện quan hệ vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị **Ngô Thị Hồng V** xin ly hôn anh **Lê Trần K** là có cơ sở, cần chấp nhận (Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình).

[4] Về con chung: Vợ chồng chị **Ngô Thị Hồng V** và anh **Lê Trần K** có 01 con chung là cháu **Lê Bá Hữu H**, sinh ngày 26/3/2016, hiện cháu **Lê Bá Hữu H** ở với chị **Vân**. Ly hôn, chị **Ngô Thị Hồng V** có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Lê Bá Hữu H** cho đến khi trưởng thành, chị không yêu cầu anh **Lê Trần K** cấp dưỡng nuôi con. Anh **Lê Trần K** có ý kiến cho rằng con anh còn nhỏ nên anh có trách nhiệm nuôi con khôn lớn.

Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con người trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét đến điều kiện chăm sóc, khả năng phát triển cũng như quyền lợi về mọi mặt của con chung. Từ khi vợ chồng anh **K** chị **Vân** sống ly thân cho đến nay, cháu **Lê Bá Hữu H** do chị **Vân** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; cháu **H** còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ. Chị **Vân** có thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con, chị không yêu cầu anh **K** cấp dưỡng nuôi con; nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Lê Bá Hữu H** của chị **Ngô Thị Hồng V** là có cơ sở cần chấp nhận (Căn cứ Điều 81, 82 Luật HNGĐ).

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm  
Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51,56,58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Ngô Thị Hồng V** ly hôn anh Lê Trần **K**.

2. Về con chung: Xử giao cháu **Lê Bá Hữu H**, sinh ngày 26/3/2016 cho chị **Ngô Thị Hồng V** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi **trưởng thành** và có khả năng lao động. Anh **Lê Trần K** không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc chị **Ngô Thị Hồng V** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000719 ngày 27/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự **thị xã Q**.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

HÀUÌI ÂĂÔNG XEÌT XEÌI SẢ THÁØM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quang Hải

Hoàng Thị Hằng

Mai Thị Thu Hà

